

LỢI ÍCH CỦA VIỆC HỌC ÂM HÁN HÀN TRONG TIẾNG VIỆT

- 1. Ôn tập tiếng Việt:** làm phiên dịch mà từ tiếng Việt không giỏi thì trình độ ngoại ngữ sẽ rất khó tăng: Hải lưu, Thiên can địa chi, Kim ngư, Hồ Hoàn kiếm, Đắc nhân tâm, thiên, địa, mã, đại vv nghĩa là gì? Ôn tập tiếng Việt còn dùng cho việc.. dạy cho con cái sau này nữa nha.
- 2. Tiếng Việt và tiếng Hàn có 3 nguồn gốc về từ vựng:** Từ bản địa + từ gốc Hán+ từ ngoại lai: Đặc biệt Việt Nam và Hàn Quốc nằm chung vùng văn hóa chữ Hán 한자권 vì thế về cơ bản, nguồn gốc chữ Hán trong tiếng Việt và tiếng Hàn là giống nhau, học dễ dàng và nhanh chóng.
- 3. Hiểu chính xác nghĩa của từ gốc Hán tiếng Hàn:** 지도, 전도, 약도 khác nhau ở đâu? 사거리, 노숙자, 미혼모, 전(후)반전, 이상, 이후, 이전, 왕복표, 부자, 후회 là gì? Từ đó phân biệt từ vựng chính xác từ vựng và hiểu cấu trúc của nó : Minh nguyệt/ Nguyệt minh, hay yếu điểm và điểm yếu vv... Đây là cấu trúc chính phụ, đâu là cấu trúc song song?
- 4. Giúp nhớ rất lâu sau khi học giải nghĩa:** Đại học Kunkuk (건국= kiến quốc), Korea (고려= Caoly), đường cao tốc nối Seoul và Busan lại lấy tên là Kyongbu (경부): 경(kinh- thủ đô, Seoul), 부(부산), Samunori 사물놀이: 사: tứ = bốn, 물: vật, 놀이: trò chơi, Loãng xương người Hàn gọi là 골다공증: 골 cốt(xương), 다: đa(nhiều), 공: khổng (lỗ) 증(chứng) bệnh . 맥주 có nghĩa là 맥 (mạch: lúa mạch), 주(tửu= rượu), rượu được làm thành lúa mạch gọi là rượu mạch, ta gọi là bia, 시계: 시 là thời (thời gian), 계 là kế, hệ, là đo đạc, thiết bị đo

thời gian nên thị kế, vì vậy tất cả những chữ nào có 계 phía sau thì đều chỉ là đơn vị đo cả, buổi sang gọi là 오전: ngọ tiền, buổi chiều gọi là 오후: ngọ hậu

5. **Rút gọn thời gian bằng cách đoán Đoán nghĩa của từ nhanh**, không cần phải tra từ điển: nếu biết 백: là trắng thì 백인 là dân da trắng, 백서 (bạch thư) sách trắng quốc phòng, 백운 (bạch vân) là mây trắng, tóm lại chữ nào có 백 thì nếu không phải các từ đồng âm khác nghĩa thì nó là trắng: củ cải trắng, trắng tay, phấn trắng vv.. dịch được hết ná.
6. **Cực kỳ dễ nhớ và học thuộc lòng**, có khoảng 3000 từ đồng âm với tiếng Việt, nghe qua là nhớ, rút ngắn thời gian học tiếng Hàn mà không phải tra biết luôn nghĩa, không từ điển nhiều làm gì: 기숙사, 공안, 증권, 사리, 대중, 교통, 시장, 안녕하세요, 노동, 개념 Khái niệm, 개막 Khai mạc, 정책 Chính sách, 개선 Cải thiện, 개성 Cá tính, 건축 Kiến trúc, 검사 Kiểm tra, 결과 Kết quả, 결합 Kết hợp, 결혼 Kết hôn
7. **Tiếng Hàn có đến 65% là từ gốc Hán, mình nghĩ trong thực tế còn nhiều hơn**: 도서관, 냉장고, 차체 vv.. không học từ gốc Hán thì khó mà nâng cao tiếng Hàn, chưa kể ngôn ngữ cao cấp đều sử dụng từ gốc Hán: 아침밥- 조식, từ chuyên ngành kinh tế, luật, tài chính đều xài từ gốc Hán hết như 가석 Tạm tha , 가택수색 Lọc soát nhà, 가해자 Người gây hại, người phạm tội , 개인소득법 Luật thuế thu nhập cá nhân, 가상각비 Chi phí khấu hao tài sản, 감세 Hạ thuế, giảm thuế , 개방경제 Nền kinh tế mở , 회전율 Tỷ lệ xoay vòng, 거시경제 Kinh tế vĩ mô. Vv..
8. **Tăng khối lượng từ vựng tiếng Hàn**: 하나= 일, 물 =수, 사람= 인, từ vựng gốc Hán tiếng Hàn có cách sử dụng khác tiếng Việt, linh động hơn, thoải mái hơn, vì thế học thêm Hán Hàn có thể thay thế cho nhau nếu quên một trong hai.

9. **Cách tiếp cận tiếng Trung, Nhật dễ dàng**, vì chúng cùng một nguồn gốc là 한자문화권, biết cách học thì học từ vựng tiếng Trung, tiếng Nhật rất rất dễ luôn.
10. **Các thành ngữ tiếng Hàn 4 chữ vốn xuất phát từ từ gốc Hán**, vì thế học phát là nhớ luôn chứ không cần tra từ điển: đồng sàng dị mộng, kim chi ngọc diệp, lạc diệp qui căn, khổ tận cam lai, vv.
11. **Ôn tập và phân biệt gốc Hán đồng âm**: Kiến (건, 견), sát (살, 찰), tập (습, 집)
12. **Có thể soạn từ điển Hàn, Hán Việt**: cổ đại, cổ điển, cổ định, cổ ý vv. Vấn an, Vấn đáp, Vấn đề, Vận động, Vận hành, Vận mệnh, Vận số, Văn hóa, Văn học, Văn kiện, Văn miếu, Văn minh, Vạn năng, Văn nghệ, Văn nhân, Văn pháp, Vạn sự, Vạn tuế, Vạn vật, Vật chất, Vật giá, Vật lý, Vật phẩm, Vệ binh, Vệ sinh
13. **Bắt buộc phải sử dụng**: với các danh từ sau thì bắt buộc phải sử dụng từ gốc Hán khi dịch, không thể dùng cách dịch khác vì không thể đủ để diễn đạt: Ngục Trung Nhật Ký (옥중일기), Tam Quốc Chí, Hà Nội, Nam Quốc Sơn Hà, Chùa Linh ứng, Tôn Ngộ Không, Khuê Văn các, Văn miếu Quốc tử giám, Thái hòa điện, Hồ Hoàn kiếm, Đại Việt sử ký toàn thư, Ngũ Hành Sơn, Liên hiệp hội phụ nữ Việt Nam, 영업사, 환검호수,
14. **Tiếng Hàn là ngôn ngữ chấp dính**, hình thành hệ tư duy và có thể tạo ra từ mới một cách thoải mái và vô biên theo phương pháp giai thừa: Ví dụ chỉ cần biết 백 = bạch = trắng thì từ nay cái gì trắng đều phải là 백: 백인, 백지, 백야, 백서, 백수, 백분 vv.. và bạn có thể kết hợp với tất cả các từ khác.
15. **Phạm vi phải học**: Thiên tự văn + 1000 từ gốc Hán + Bài tập + Làm từ điển.